



Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NGÃI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 20/6/2026,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi được tổ chức lúc 13 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường Tầng 5, Trụ sở Công ty, đường Tô Hiến Thành, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền là: 97 cổ đông, đại diện sở hữu 7.729.055 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,12% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội được tiến hành theo đúng thể thức và thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đã biểu quyết và nhất trí.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.**

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026:**

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng*

số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

### **Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.**

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.701.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,7% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 21.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,3% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

### **Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025**

#### *1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:*

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		36.967.800.118
2	Lợi nhuận năm 2024 chưa phân phối để lại		21.063.487
3	Lợi nhuận được phân phối năm 2025		36.988.863.605
4	Quỹ đầu tư phát triển	50%	18.494.431.803
5	Quỹ dự phòng tài chính (Trích đủ 25% vốn điều lệ không trích nữa)		-
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	7.397.772.721
7	Tiền thưởng cho HĐQT, BKS	0%	-
8	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2025	29,97%	11.086.220.000
-	Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 13,5%/VĐL (tương ứng với 1.108.622 cổ phần).		
9	Lợi nhuận năm 2025 chưa phân phối để lại		10.440.182

#### *2. Kế hoạch chia trả cổ tức năm 2025:*

2.1. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2025: **13,5%** vốn điều lệ bằng cổ phiếu.

2.2. Phương thức trả cổ tức bằng cổ phiếu:

- Đối tượng nhận cổ tức bằng cổ phiếu: là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách để nhận cổ tức bằng cổ phiếu;

- Tỷ lệ thực hiện: 13,5% VDL tại ngày 31/12/2025

- Thời điểm chốt danh sách và thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu: Giao cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định và thông báo cho cổ đông sau khi được Đại hội quyết định thông qua và được Ủy ban chứng khoán nhà nước có ý kiến

chấp thuận.

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 5. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ dưới hình thức chi trả cổ tức:**

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
2. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi.
3. Mã chứng khoán: MQN
4. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ: 82.120.140.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu: 8.212.014 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.212.014 cổ phiếu.
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 1.108.622 cổ phiếu
10. Giá trị phát hành theo mệnh giá: 11.086.220.000 đồng.
11. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
12. Phương thức phát hành.
  - 12.1 Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.108.622 cổ phiếu.
  - 12.2 Giá trị phát hành theo mệnh giá: 11.086.220.000 đồng.
  - 12.3 Nguồn vốn phát hành: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025.
  - 12.4 Hình thức phát hành:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện 13,5 %, tương ứng với tỷ lệ 100: 13,5; nghĩa là cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ nhận được 13,5 cổ phiếu phát hành thêm.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy coi như không

phát hành. Ví dụ: nếu cổ đông A có 2.110 cổ phiếu, sẽ nhận được:  $(2.110:100)*13,5 = 284,85$  cổ phiếu; số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống 284 cổ phiếu; 0.85 cổ phiếu lẻ sẽ được hủy bỏ.

- Thời điểm phát hành: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi nhận được công văn của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

12.5 Niêm yết bổ sung: toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng chứng khoán Việt Nam (VSDC).

13. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Vốn thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

14. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty, như sau:

- Vốn điều lệ trước khi điều chỉnh: 82.120.140.000 đồng

- Vốn điều lệ dự kiến sau khi điều chỉnh (sau các đợt phát hành cổ phiếu): 93.206.360.000 đồng.

Vốn điều lệ thực tế sau khi điều chỉnh tại thời điểm làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được căn cứ vào báo cáo kết quả phát hành và số vốn thực tế phát hành được.

Sửa đổi Điều 6 – Điều lệ của Công ty phù hợp theo Luật Doanh nghiệp 2020

15. Ủy quyền cho HĐQT:

- Xây dựng phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện các công việc có liên quan theo đúng quy định của pháp luật để hoàn thành việc phát hành sau khi nhận được các phê duyệt của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

- Triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo phương án đã được phê duyệt. Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng chứng khoán Việt Nam (VSDC), niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT phải đảm bảo tỷ lệ thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định.

- Sửa đổi/bổ sung các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ của Công ty, thay đổi đăng ký kinh doanh theo kết quả phát hành thực tế.

- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ, đề nghị cấp sửa Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- HĐQT được toàn quyền quyết định tất cả các công việc khác liên quan nhằm đảm bảo kết quả thành công của đợt phát hành.

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 6. Thông qua Kế hoạch chỉ tiêu doanh thu năm 2026, phương án phân phối lợi nhuận năm 2026, các Dự án đầu tư năm 2026 và phương án đầu tư góp vốn vào công ty có cùng lĩnh vực hoạt động.**

### **1. Các chỉ tiêu về tài chính**

#### **1.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất**

a) Tổng doanh thu: 605,8 tỷ đồng

b) Lợi nhuận sau thuế: 41,8 tỷ đồng

Số liệu hợp nhất theo nguyên tắc được hướng dẫn tại thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

#### **1.2. Các chỉ tiêu tài chính riêng MQN**

a) Tổng doanh thu: 400,5 tỷ đồng

b) Lợi nhuận sau thuế: 25,7 tỷ đồng

### **2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2026:**

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Quỹ đầu tư phát triển	≥ 30%	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
2	Quỹ dự phòng tài chính ( <i>Trích đủ 25% vốn điều lệ không trích nữa</i> )	-	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20%	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
4	Tiền thưởng cho HĐQT, BKS	0%	
5	Cổ tức	≥ 25%	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

### **3. Các dự án đầu tư và đầu tư góp vốn vào công ty có cùng lĩnh vực hoạt động.**

Tiếp tục thực hiện các dự án:

- Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Phổ Nhơn (tại xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi), với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 100 tỷ đồng, trong đó vốn tự có khoảng 20 tỷ đồng, vốn huy động khoảng 80 tỷ đồng. Dự án sử dụng công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt, thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải sinh hoạt thị xã Đức Phổ cũ.

- Dự án Khu liên hợp xử lý chất thải Nghĩa Kỳ, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 710 tỷ đồng, trong đó vốn tự có khoảng 107 tỷ đồng, vốn huy động khoảng 603 tỷ đồng; nhằm xây dựng khu xử lý chất thải tập trung, đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Dự án Công viên Nghĩa trang Vĩnh Hằng, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 800 tỷ đồng, trong đó vốn tự có khoảng 120 tỷ đồng, vốn huy động khoảng 680 tỷ đồng; được định hướng phát triển theo mô hình công viên nghĩa trang hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và cảnh quan.

- Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt kết hợp phát điện Tịnh Phong tại xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1800 tỷ đồng, trong đó vốn tự có khoảng 145 tỷ đồng.

❖ Thống nhất đầu tư vào các dự án với quy mô, tổng mức đầu tư như trên. Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào vốn chủ sở hữu hiện có của Công ty thực hiện toàn diện các thủ tục pháp lý, triển khai dự án đầu tư với hình thức tham gia độc lập hoặc hợp tác liên kết với các đối tác đủ năng lực, trường hợp cần tăng vốn để áp dụng yêu cầu dự án thì xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

a) Đầu tư vào Công ty có cùng lĩnh vực hoạt động:

- Chỉ đạo công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Việt Trì sản xuất đạt hiệu quả.

- ĐHĐCĐ thống nhất tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty cùng ngành nghề nhằm tăng trưởng về quy mô.

❖ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tài sản công ty hiện có tìm kiếm cơ hội đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, quyết định tổng mức đầu tư vào Công ty có cùng lĩnh vực hoạt động như đề xuất nêu trên nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MQN duy trì ổn định, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 7. Thông qua thù lao, tiền thưởng năm 2025 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng năm 2026 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

**1. Quyết toán thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2025**

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2025, Hội đồng quản trị quyết toán thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và BKS năm 2025 như sau:

- a) Thù lao HĐQT, BKS : 0 đồng;
- b) Tiền thưởng HĐQT, BKS : 0 đồng

**2. Phương án chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT và BKS năm 2026**

Để kế hoạch hóa và quản lý chi phí, Hội đồng quản trị trình Đại hội phê duyệt mức thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 như sau:

- a) Thù lao HĐQT, BKS : 0 đồng.
- b) Tiền thưởng HĐQT, BKS : 0 đồng.

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 8. Thông qua việc sửa đổi bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh**

**- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:**

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan).	4671	
2	Dịch vụ cảnh quan.	8130	
3	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.	9630	
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn hóa chất xử lý môi trường; Trừ hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh).	4679	
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong	4673	

	xây dựng.		
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép).	4672	
7	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp (Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm, Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm)	0130	
8	Bán buôn thực phẩm	4632	
9	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511	
10	Truyền tải và phân phối điện.	3513	
11	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144	
12	Bán lẻ lương thực	4721	
13	Bán lẻ thực phẩm	4722	
14	Bán lẻ đồ uống	4723	
15	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4724	
16	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531	
17	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662	
18	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531	
19	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663	
20	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312	
21	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900	

**- Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:**

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan).	4661	
2	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130	
3	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.	9632	
4	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn hóa chất xử lý môi trường; Trừ hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh).	4669	
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663	
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép).	4662	

7	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp hàng năm.	0131	
8	Bán lẻ lương thực, thực phẩm lưu động hoặc tại chợ (chi tiết: Bán lẻ rau, quả lưu động hoặc tại chợ).	4781	
9	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.	4791	
10	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799	
11	Sản xuất điện.	3511	
12	Truyền tải và phân phối điện.	3512	
13	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129	
14	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144	
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132	
16	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711	
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	
18	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773	
19	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789	
20	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
21	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530	
22	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542	
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543	
24	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	

**- Cập nhật chi tiết ngành nghề kinh doanh sau:**

STT	Ngành nghề hiện tại	Ngành nghề điều chỉnh
1	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Chi tiết: Sản xuất điện thông qua đốt rác) – Mã ngành: 3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại - Mã ngành: 3821

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.710.579 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,8% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 12.284 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,2% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 9. Thông qua việc sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.712.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1.% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 10. Thông qua việc miễn chào mua công khai đối với giao dịch nhận chuyển nhượng 3.186.230 cổ phiếu MQN của Công ty Cổ phần Đầu tư Mầm Xanh**

❖ Cổ đông chuyển nhượng

STT	Cổ đông	Số Giấy chứng nhận ĐKDN/ CCCD/ Hộ chiếu	Cổ phiếu sở hữu hiện tại		Cổ phiếu dự kiến chuyển nhượng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Trần Nguyễn Hà My	025305002212	1.147.119	13,97%	1.147.119	13,97%
2.	Nguyễn Thị Thanh Trà	051190014398	402.402	4,90%	402.402	4,90%
3.	Tổng Sơn Giang	037084000327	417.184	5,08%	417.184	5,08%
4.	Nguyễn Thị Ái Vân	051186013385	398.143	4,85%	398.143	4,85%
5.	Võ Thị Trúc	051168003663	394.189	4,80%	394.189	4,80%
6.	Trần Thị Thanh Nga	051188009728	427.193	5,20%	427.193	5,20%
	<b>Tổng</b>		<b>3.186.230</b>	<b>38,80%</b>	<b>3.186.230</b>	<b>38,80%</b>

❖ Cổ đông nhận chuyển nhượng

STT	Cổ đông	Số Giấy chứng nhận ĐKDN	Cổ phiếu sở hữu trước khi nhận chuyển nhượng		Cổ phiếu dự kiến nhận chuyển nhượng		Cổ phiếu sở hữu sau khi nhận chuyển nhượng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần	4300906522	1.442.590	17,57 %	3.186.230	38,80 %	4.628.820	56,37 %

Đầu tư Mầm xanh								
-----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.640.273 cổ phần, đạt tỷ lệ: 98,7% tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 11.000 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,7% tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,6% tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 11. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.**

Căn cứ theo Tờ trình số 01/TTr-BKS-MTĐT ngày 30/5/2026 của Ban kiểm soát Công ty về việc đề nghị phê chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê chuẩn danh sách ba (03) Công ty kiểm toán sau đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM. Địa chỉ: số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Địa chỉ: số 218 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC. Địa chỉ: số 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, TP Hồ Chí Minh.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào chất lượng và mức phí kiểm toán (do mỗi Công ty kiểm toán đưa ra) quyết định việc lựa chọn một (01) trong ba (03) Công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định hiện hành.

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào chất lượng dịch vụ, kinh nghiệm kiểm toán và mức phí kiểm toán do các công ty kiểm toán nêu trên đề xuất để xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn một (01) trong ba (03) công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành: 7.102.107 cổ phần, đạt tỷ lệ: 99,9% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.*

*Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0 % tổng*

số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 10.756 cổ phần, đạt tỷ lệ: 0,1% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết tại Đại hội.

## **Điều 12. Tổ chức thực hiện.**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí giao cho Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Ngãi tổ chức, điều hành Công ty thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực thi Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp.

3. Nghị quyết này được lập lúc 17 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2026. Nghị quyết được đọc và biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành.

4. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI – CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lê Đăng Triều**

C.T.C.P